

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 82/2023/HNGĐ-ST
Ngày 27-12-2023
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
chia tài sản chung khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Như

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Phước

Ông Huỳnh Phước

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Cẩm Vân, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Lê Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 166/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2023 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản chung khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 166/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thanh H, sinh năm 1976. Địa chỉ: Số F đường N, Khóm D, Phường G, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (có mặt)

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1979. Địa chỉ: Số F đường N, Khóm D, Phường G, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19 tháng 6 năm 2023 và lời trình bày của bà Lê Thanh H tại phiên tòa:

Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2007, bà H và ông Nguyễn Văn C tổ chức lễ cưới đến ngày 12/01/2018 ông bà đăng ký kết hôn tại Ủy ban Nhân dân xã H, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. Trong thời kỳ hôn nhân, ông bà chung sống với nhau hạnh phúc, thời gian về sau ông bà không quan tâm chăm sóc với nhau, bà H cho rằng ông C gia trưởng, bạo lực gia đình, hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn được nữa, hạnh phúc không còn nên bà H xin ly hôn. Về con chung: Có một con chung tên Nguyễn Thanh T, sinh ngày 07/8/2008. Về tài sản chung: Ông bà có tạo lập tài sản chung: Phần đất có diện tích 72m², thửa số 318, tờ bản đồ số 37, tài sản gắn liền với đất là căn nhà cấp 4, diện tích xây dựng 39,9 m²,

diện tích sàn 39,9 m² tọa lạc tại địa chỉ **số F, đường N, Khóm D, Phường G, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng**. Về nợ chung: Ông bà không có nợ ai và cũng không có ai nợ ông, bà.

Nay bà **H** yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Bà **H** yêu cầu được ly hôn với ông **Nguyễn Văn C**.

Về con chung: Bà **H** yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu **Nguyễn Thanh T**, sinh ngày 07/8/2008, không yêu cầu ông **Nguyễn Văn C** cấp dưỡng nuôi con cháu **Nguyễn Thanh T**.

Về tài sản chung: Theo đơn khởi kiện bà **Lê Thanh H** yêu cầu giao hiện vật nhà và đất cho bà **Lê Thanh H**; Ông **Nguyễn Văn C** nhận ½ giá trị nhà và đất. Nhưng quá trình thụ lý giải quyết bà **H** có đơn rút phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu chia tài sản chung để bà và ông **C** tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện, nguyên đơn **Lê Thanh H** đã nộp Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); Giấy khai sinh cháu **Nguyễn Thanh T**, sinh ngày 07/8/2008 (bản sao chứng thực); Căn cước công dân có tên **Lê Thanh H** chứng thực bản sao; Bản sao chứng thực căn cước công dân tên **Nguyễn Văn C**; Bản sao chứng thực Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN605915, số vào sổ cấp GCN: CS00313 do **Sở T1** cấp ngày 06/4/2018 cho ông **Nguyễn Văn C, Lê Thanh H**.

- Quá trình tố tụng bị đơn ông **Nguyễn Văn C** đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, bị đơn ông **Nguyễn Văn C** không có ý kiến gì.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng cho rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự: Ông **Nguyễn Văn C** không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu mà bà **Lê Thanh H** đã trình bày và giao nộp cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà **Lê Thanh H** yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con với ông **Nguyễn Văn C** và ông **Nguyễn Văn C** cư trú tại **thành phố S, tỉnh Sóc Trăng** nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Đối với ông **Nguyễn Văn C** là bị đơn vắng mặt đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông **Nguyễn Văn C**.

[3] Theo các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh và tài liệu do bà **Lê Thanh H** cung cấp và ông **Nguyễn Văn C** không phản đối căn cứ khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định:

[4] Về quan hệ hôn nhân: Bà **Lê Thanh H** và ông **Nguyễn Văn C** xác lập quan hệ vợ chồng phù hợp quy định về điều kiện kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban Nhân dân xã **H**, huyện **L**, tỉnh **Sóc Trăng** ngày 12/01/2018 nên hôn nhân ông, bà là hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[5] Về yêu cầu ly hôn của bà **Lê Thanh H**: Sau thời gian chung sống thì bà **H**, ông **C** phát sinh mâu thuẫn do khác biệt về quan điểm sống, vợ chồng ông bà không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Đây là sự vi phạm nghĩa vụ vợ chồng theo Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà **H** được ly hôn với ông **C** theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[6] Về con chung là cháu **Nguyễn Thanh T**, sinh ngày 07/8/2008 có ý kiến nguyện vọng muốn chung sống với mẹ, ông **C** không có ý kiến về yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu **T** của bà **H**. Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu **Nguyễn Thanh T** cho bà **H** trực tiếp nuôi dưỡng; ông **Nguyễn Văn C** không trực tiếp nuôi dưỡng con được thực hiện quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở phù hợp theo quy định tại các Điều 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[7] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà **H** không yêu cầu ông **Nguyễn Văn C** cấp dưỡng nuôi con đối với cháu **Nguyễn Thanh T** nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Về tài sản chung: Bà **Lê Thanh H** khi khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung, nhưng trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa bà **H** rút một phần yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung để bà và ông **C** tự thỏa thuận. Căn cứ vào Khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu chia tài sản chung của nguyên đơn.

[9] Về nợ chung: Bà **Lê Thanh H** khai không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[10] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố **Sóc Trăng** là đúng quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 95, điểm b Khoản 2 Điều 227; Điều 228, Khoản 2 Điều 244; Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 19, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Lê Thanh H**:

1.1/. Về quan hệ hôn nhân: Bà **Lê Thanh H** được ly hôn với ông **Nguyễn Văn C**.

1.2/. Về con chung: Giao cho bà **Lê Thanh H** trực tiếp nuôi dưỡng cháu **Nguyễn Thanh T**, sinh ngày 07/8/2008.

Ông **Nguyễn Văn C** có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc cháu **Nguyễn Thanh T**, sinh ngày 07/8/2008 theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

1.3/. Về tài sản chung: Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu chia tài sản chung của nguyên đơn bà **Lê Thanh H**.

1.4/. Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không có cơ sở giải quyết.

2/. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà **Lê Thanh H** phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.425.000 đồng theo biên lai số 0008860 ngày 29/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Hoàn trả cho bà **Lê Thanh H** số tiền còn lại là 8.125.000 đồng (*Tám triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng*)

3/. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án cấp tổng đạt hợp lệ, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung), thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. Sóc Trăng;
- Chi cục THADS TP. Sóc Trăng;
- TAND T. Sóc Trăng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Võ Văn Như